

Số: /QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục và Bản đồ khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Nam Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng;

Căn cứ Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc phê duyệt đề án: Khoanh định vùng hạn chế khai thác, khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5037/TTr-STNMT ngày 26/12/2023 về việc đề nghị phê duyệt Danh mục và Bản đồ khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Nam Định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục và Bản đồ khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất (tỷ lệ 1:50.000) trên địa bàn tỉnh Nam Định. (Chi tiết tại Phụ lục I và Bản đồ kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tổ chức công bố Danh mục và Bản đồ khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Nam Định trên các phương tiện thông tin đại chúng và phối hợp đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; thông báo đến Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trên địa bàn tỉnh nơi có vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Căn cứ Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất được phê duyệt, tổ chức điều tra, thống kê, cập nhật, bổ sung thông tin, số liệu và lập danh sách các công trình khai thác hiện có thuộc các khu vực, vùng hạn chế đã được công bố; lập phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất theo đúng quy định tại Nghị định số 167/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Định kỳ năm (05) năm một lần hoặc trong trường hợp cần thiết; chủ trì phối hợp, với các cơ quan có liên quan thực hiện rà soát, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Các sở, ban, ngành của tỉnh

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tuyên truyền, phổ biến việc hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định; định kỳ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, điều chỉnh vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Chủ động phối hợp quản lý, giám sát trong quá trình lập các quy hoạch, kế hoạch, đầu tư xây dựng các dự án, công trình, đề án thuộc ngành, lĩnh vực quản lý có hoạt động khai thác nước dưới đất đảm bảo phù hợp với quy định về việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức công bố Danh mục và Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định; định kỳ, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Giám sát các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định tại Nghị định số 167/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền, phổ biến việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn. Tổ chức đăng ký cho các tổ chức, cá nhân có giếng khoan khai thác, sử dụng nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 10 m³/ngày đêm; khai thác, sử dụng nước dưới đất cho sinh hoạt của hộ gia đình, cho các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học thuộc danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Định kỳ, trước ngày 30/11 hằng năm, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất và kết quả đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan đăng ký khai thác nước dưới đất; lập sổ theo dõi, cập nhật số liệu đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn; tổng hợp, báo cáo kết quả đăng ký gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 15/11 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. Các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh

- Cung cấp các thông tin, số liệu liên quan đến công trình khai thác và hoạt động khai thác của công trình theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường để phục vụ việc rà soát, cập nhật khoanh định các vùng hạn chế khai thác theo quy định tại Nghị định số 167/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định phương án, lộ trình thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất (nếu có) đối với công trình khai thác nước dưới đất của mình theo quy định tại Nghị định số 167/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo phương án đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường; (đề b/c)
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng